

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CHO CÁN BỘ, GIẢNG VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC BẠC LIÊU

TS. ĐÀO HOÀNG NAM*

1. Thực trạng hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) của cán bộ, giảng viên (CB, GV) Trường Đại học (ĐH) Bạc Liêu

1) Số lượng và chất lượng các NCKH đã được thực hiện

a) *Số lượng.* Theo thống kê của phòng Quản lý khoa học (QLKH) Trường ĐH Bạc Liêu, từ năm 2010 đến nay, hoạt động NCKH của CB, GV trong nhà trường là khá ổn định. Sự tăng, giảm số lượng hoạt động NCKH trong bốn năm học qua không đáng kể. Trong năm học 2012-2013 và 2013-2014, tổng số có 29 đề tài NCKH. So sánh với năm 2010-2011 và 2011-2012, hai năm học này có tổng số 33 đề tài được thực hiện, như vậy, đến năm 2012-2013 và 2013-2014, số lượng đề tài có giảm (04 đề tài). Tuy vậy, số lượng đề tài giảm cũng là điều rất đáng suy nghĩ. Bởi hằng năm, do nhu cầu mở rộng quy mô đào tạo (ĐT), nâng cao chất lượng ĐT, số CB, GV mới được nhà trường nhận về cũng không ít. Sự gia tăng số lượng CB, GV không tỉ lệ thuận với sự gia tăng các đề tài NCKH, với hoạt động khoa học - công nghệ (KH-CN), đó là một thực trạng cần được xem xét lại. Hoạt động NCKH là một trong những nhiệm vụ quan trọng của CB, GV, góp phần làm nên sự thành công trong GD-ĐT, nhưng số liệu thống kê nêu trên cho thấy, trong 4 năm hoạt động NCKH của nhà trường chưa có bước phát triển, thậm chí có chiều hướng đi xuống.

Bên cạnh đó, số lượng bài báo khoa học của CB, GV được công bố hàng năm còn ít: năm 2011-2012 là 28 bài/186 (chiếm 15%); năm 2012-2013 là 63 bài/210 (chiếm 30%); năm 2013-2014 là 53 bài/220 (chiếm 24,1%). Trong đó phần lớn là những bài đăng trên Tạp san Thông tin - Khoa học của nhà trường, rất ít bài được đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong và ngoài nước (không quá 10 bài được đăng/năm).

Các hoạt động KH-CN khác trong nhà trường như hội thảo khoa học, báo cáo chuyên đề khoa học... cũng chỉ được tiến hành ở một chừng mực nhất định.

Mỗi năm trung bình 03 hội thảo được tổ chức (do các Khoa trực thuộc chủ trì). Riêng Khoa Nông nghiệp thường xuyên duy trì được báo cáo chuyên đề khoa học theo định kì 3 lần/tháng/bộ môn.

Số lượng hoạt động KH-CN của nhà trường trong 4 năm qua so với số lượng và trình độ của CB, GV còn rất hạn chế (nhà trường có hơn 300 CB, GV trong đó có: 3 tiến sĩ, 132 thạc sĩ, 144 ĐH; 14 nghiên cứu sinh, 28 cao học). Trình độ sau ĐH của CB, GV trong nhà trường là trên 150, chiếm hơn 50% tổng số CB, GV. Số lượng các hoạt động KH-CN kể trên chủ yếu là do GV thực hiện, CB trực thuộc các phòng, ban ít khi tham gia.

b) *Chất lượng.* Tuy số lượng các hoạt động KH-CN của CB, GV còn ít, nhưng về chất lượng đa số CB, GV đã rất lưu tâm đến tính hiệu quả của hoạt động NCKH do họ thực hiện. Nhiều công trình khoa học được đầu tư, đặc biệt chú trọng đến tính ứng dụng trong đời sống xã hội. Chẳng hạn một số công trình được các tác giả thực hiện như: *Biện pháp giáo dục, rèn luyện kĩ năng sống cho sinh viên (SV) Trường ĐH Bạc Liêu* (TS. Đào Hoàng Nam); *Thực nghiệm mô hình nuôi rắn ri voi (Enhydrys bocourti - Gray, 1842) trong keo với giai đoạn giống khác nhau* (ThS. Lê Hoàng Vũ - Khoa Nông nghiệp); *Thử nghiệm nuôi tôm thẻ chân trắng (Litopenaeus vannamei) kết hợp với cá rô phi (Oreochromis niloticus) ở các mật độ khác nhau* (ThS. Trần Thị Bé - Khoa Nông nghiệp); *Giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch tỉnh Bạc Liêu* (Phan Việt Đưa - Khoa Sư phạm)... Các hội thảo, báo cáo chuyên đề khoa học cũng được bố trí thực hiện theo hướng đáp ứng nhu cầu thực tiễn. Những vấn đề mang tính thời sự, phục vụ cho công tác GD-ĐT, hoặc phát triển KT-XH đã được chú trọng: *Kinh nghiệm trong công tác giảng dạy và quản lí SV* (Khoa Sư phạm); *Liên kết giữa Nhà quản lí - Nhà khoa học - Nhà nông tại huyện Vĩnh Lợi, Bạc Liêu*

* Trường Đại học Bạc Liêu

(Khoa Nông nghiệp); *Tư vấn kỹ năng tìm việc làm cho SV* (Khoa Kinh tế - Luật)...

Nhìn chung các hoạt động KH-CN của CB, GV của nhà trường đã bao quát hầu khắp các lĩnh vực. Tuy nhiên, cũng phải nghiêm túc nhìn nhận rằng không ít đề tài, bài báo khoa học nhưng hàm lượng khoa học chưa nhiều, còn nặng tính hàn lâm. Một số NCKH còn chưa chú trọng việc khảo sát thực tiễn, hoặc chỉ khảo sát sơ bộ, dẫn đến nhận định vấn đề mang tính chủ quan, cảm tính.

2) Một số khó khăn, hạn chế

a) *Khó khăn*: - *Kinh phí thực hiện NCKH*. Với một trường ĐH có trên 300 CB, GV, nhưng mức phân bổ kinh phí NCKH cho nhà trường là 150 triệu/năm (bình quân mỗi đề tài NCKH được phân bổ tối đa 30 triệu). Nhà trường đã rất khó khăn trong việc tuyển chọn các đề tài NCKH của CB, GV, cũng như triển khai các hoạt động KH-CN khác như tập huấn, hội thảo.... Do đó, nhà trường phải cân đối và ưu tiên cho một số đề tài có tính ứng dụng, thực nghiệm, và những đề tài khác phải tạm gác lại. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến tâm lý, nhiệt huyết thực hiện NCKH trong CB, GV; - *Thiếu các chuyên gia đầu ngành để có thể đảm nhiệm những công trình NCKH với quy mô lớn*. Hiện nay, tuy số lượng CB, GV có trình độ sau ĐH trong nhà trường chiếm hơn 50%, nhưng phần lớn lại là cán bộ trẻ, năng động nhưng kinh nghiệm trong NCKH còn ít. Việc phát hiện, giải quyết vấn đề nghiên cứu ở những cán bộ trẻ này còn nhiều yếu kém, dẫn đến việc đề xuất nhiều đề tài không có tính khả thi, không có tính cấp thiết, do đó họ không được duyệt để thực hiện đề tài. Vậy là cứ mỗi năm nhà trường lại chịu phí phạm một nguồn lực NCKH dồi dào, do không có người dẫn dắt nên không thể phát huy tác dụng; - *Sự đầu tư về cơ sở vật chất (CSVC) phục vụ cho công tác NCKH vẫn còn hạn chế*. Số đầu sách trong Trung tâm Thông tin - Thư viện của trường tuy mỗi năm đều có kế hoạch cập nhật, bổ sung, nhưng vẫn còn thiếu nhiều sách thuộc chuyên môn sâu. Phòng thí nghiệm cũng còn thiếu nhiều trang thiết bị phục vụ cho nhu cầu nghiên cứu, phân tích các mẫu thử trong lĩnh vực hóa, sinh...

Đồng thời, do thiếu CSVC, thiếu cả về nhân sự, nên để án mở Trại thực nghiệm và Viện Nghiên cứu - Phát triển vùng bán đảo Cà Mau đến nay vẫn chưa thể triển khai, chưa thể đáp ứng được nhu cầu mở rộng quy mô, nâng tầm chất lượng của hoạt động KH-CN trong nhà trường. Bên cạnh đó, do công tác xét duyệt việc thực hiện đề tài NCKH cấp tỉnh của Sở KH-CN còn quá chậm, năm học 2013-2014, Sở vẫn

chưa mở Hội đồng để xét duyệt đề tài. Vì vậy, nhiều đề tài NCKH cấp tỉnh của CB, GV trong nhà trường cũng không thể triển khai.

b) *Hạn chế*: - Mặc dù tính ứng dụng của các đề tài NCKH đã được thực hiện, trường đã ưu tiên xét duyệt các đề tài có tính triển khai, ứng dụng cao, nhưng thực tế cho thấy hầu hết các đề tài sau khi được nghiệm thu, kết quả nghiên cứu vẫn chỉ dừng ở tính thử nghiệm, chưa thể ứng dụng vào thực tiễn cuộc sống, chưa đạt mục tiêu phát triển KT-XH. Việc chuyển giao KH-CN giữa nhà trường với các địa phương kết quả còn khiêm tốn, điều đó cũng ảnh hưởng đến mục tiêu tạo nguồn thu từ NCKH của nhà trường; - *Công tác định hướng hoạt động KH-CN của Phòng Quản lý khoa học (QLKH)*. Nhiều năm liền Phòng chỉ định hướng là phát triển khoa học Nông nghiệp và khoa học Giáo dục, trong khi đó các lĩnh vực khác như Kinh tế, Văn hóa, Du lịch... cũng đặc biệt cần thiết trong giai đoạn hiện nay lại chưa được chú ý; - *Hoạt động hội thảo, viết bài báo khoa học vẫn ở quy mô nhỏ*, cấp khoa, diễn ra trong phạm vi trường, chưa có sự nối kết, liên kết tổ chức hoạt động hội thảo cấp vùng, cấp khu vực. Do đó, vấn đề được đưa ra bàn luận còn nhỏ hẹp, chưa có nhiều ý kiến của các chuyên gia đầu ngành; - *CB, GV*: bên cạnh một số CB, GV có lòng nhiệt huyết, đam mê công tác NCKH, còn lại không ít người làm NCKH một cách nửa vời, đối phó, chưa thấy hết tầm quan trọng của NCKH, chưa thấy đó vừa là nhiệm vụ, vừa là quyền lợi, và vì sự phát triển chung của nhà trường. Đồng thời phần lớn CB, GV còn thụ động, chưa biết chủ động tìm cơ hội hợp tác NCKH với các đơn vị bạn, hoặc với các địa phương trong tỉnh; - *Việc thanh toán kinh phí NCKH* hiện cũng là một rào cản đối với hoạt động KH-CN của CB, GV, bởi thủ tục còn nhiều, còn chậm. Phòng Kế hoạch - Tài chính cũng chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể, chi tiết các thủ tục và quy trình thanh toán kinh phí, dẫn đến nhiều rắc rối không đáng có cho CB, GV.

2. Giải pháp nâng cao hiệu quả NCKH cho CB, GV Trường ĐH Bạc Liêu

1) *Phát huy tính tích cực, chủ động của CB, GV trong NCKH*. Muốn nâng cao số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH, Trường ĐH Bạc Liêu cần chú trọng xây dựng và phát huy tính tích cực, chủ động của CB, GV trong nhà trường. Công tác NCKH đòi hỏi sự đầu tư thời gian và công sức rất lớn, do đó nếu CB, GV không chủ động trong sắp xếp, tranh thủ thời gian, công việc, cơ hội hợp tác... thì hoạt động NCKH sẽ không thể diễn ra. Đồng thời, phải giúp cho CB, GV thấy rõ tầm quan trọng, ý

nghĩa của công tác NCKH, từ đó bồi dưỡng nhiệt huyết, sự say mê, tinh thần trách nhiệm trong NCKH cho CB, GV. Bên cạnh đó, về phía nhà trường, phải chú ý phân công công việc hợp lí. Với GV, tránh việc phân công giờ dạy quá nhiều, hoặc dạy cùng lúc nhiều giáo án. Đồng thời tránh việc thay đổi môn dạy liên tục, khiến GV mất rất nhiều thời gian cho việc soạn giảng, lên lớp. Điều đó chẳng những làm cho GV không còn thời gian cho NCKH, mà chất lượng, hiệu quả dạy học cũng hạn chế.

Ngoài ra, bên cạnh những CB, GV có giờ dạy, công việc nhiều, vẫn còn một bộ phận không nhỏ những CB, GV việc ít, dạy rất ít, thời gian rảnh rỗi nhiều, nhưng thời gian đầu tư cho NCKH cũng rất ít. Bằng chứng là rất ít khi bắt gặp sản phẩm NCKH từ lượng CB, GV này, do đó cần phải có biện pháp phát huy tính chủ động, tích cực, tránh lãng phí nguồn lực trong NCKH.

2) Nâng cao hiệu quả quản lí và định hướng hoạt động KH-CN của phòng QLKH. Sự thành công trong hoạt động KH-CN của nhà trường phần lớn là nhờ vào hiệu quả hoạt động của phòng QLKH. Chức năng quản lí và định hướng hoạt động KH-CN là vô cùng quan trọng. Nếu phòng QLKH thực hiện tốt chức năng này thì sẽ tạo cơ hội, tạo điều kiện cho CB, GV tham gia NCKH. Vì thực tế cho thấy có nhiều CB, GV muốn NCKH nhưng khi viết bài không được đăng, đăng kí đề tài không được duyệt để thực hiện, bản thân họ cũng không hiểu rõ vì sao. Nguyên nhân lớn đó là do họ không nắm rõ định hướng NCKH trong năm, nên các vấn đề mà họ lựa chọn để đăng kí không có tính cấp thiết, không có tính khả thi. Vì vậy, phòng QLKH cần nắm rõ, cập nhật và triển khai các định hướng NCKH đến cho CB, GV. Đồng thời cập nhật và phổ biến các kết quả NCKH của CB, GV trong nhà trường để CB, GV nắm được thông tin, khi đăng kí đề tài cũng không bị trùng lặp với các đề tài mà CB, GV khác đã làm; cần có kế hoạch mở các lớp tập huấn cho CB, GV về NCKH, phối hợp với các khoa và các đơn vị khác để tổ chức hội thảo cấp trường, cấp khu vực, tạo điều kiện cho các sinh hoạt học thuật diễn ra đúng hướng, có tính thời sự, đáp ứng kịp nhu cầu phát triển của nhà trường trong lĩnh vực KH-CN.

3) Tăng cường đầu tư CSVC, kinh phí phục vụ cho hoạt động KH-CN. Muốn hoạt động KH-CN diễn ra có chất lượng, trường cần đáp ứng các điều kiện để CB, GV thực hiện nghiên cứu, trong đó có việc đầu tư CSVC. Hiện nay, kinh phí để tiếp tục đầu tư CSVC của nhà trường còn hạn hẹp, do đó CSVC phải được đầu tư đúng hướng, tránh dàn trải. Phải có kế

hoạch thống kê, đầu tư nhanh chóng cho lượng sách chuyên ngành còn đang thiếu hụt, trang thiết bị, dụng cụ thí nghiệm cho các thực hành phân tích mẫu thử. Tranh thủ các nguồn thu để tiếp tục hoàn thiện CSVC, tiến hành việc thành lập Trại thực nghiệm và Viện Nghiên cứu - Phát triển vùng bán đảo Cà Mau.

Song song đó, phải có kế hoạch khắc phục khó khăn về mặt kinh phí cho NCKH. Lượng kinh phí nhỏ hẹp hiện nay không thể đáp ứng kịp nhu cầu phát triển KH-CN trong nhà trường. Bên cạnh việc đề nghị tỉnh tăng nguồn kinh phí phân bổ cho hoạt động KH-CN, trường cần tranh thủ các nguồn thu khác từ việc liên kết, chuyển giao KH-CN, ứng dụng kết quả NCKH... để có thêm kinh phí cho NCKH, phần đầu sao cho kinh phí vừa đủ cho nghiên cứu, vừa tạo được động lực cho CB, GV để họ toàn tâm, toàn ý thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu. Đồng thời, phòng Kế hoạch - Tài chính cần có văn bản hướng dẫn cụ thể quy trình, cách thức tiến hành các thủ tục thanh toán kinh phí, sao cho việc thanh toán kinh phí trở nên nhẹ nhàng, dễ hiểu, tránh tạo áp lực, gây những khó khăn không cần thiết cho người làm công tác NCKH.

4) Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích hoạt động KH-CN. Trong nhiều năm qua, hoạt động NCKH chủ yếu được quy đổi thành giờ chuẩn để tính thừa giờ cho GV, hoặc được tính để công nhận danh hiệu chiến sĩ thi đua, ngoài ra không có cơ chế, chính sách nào khuyến khích, thúc đẩy hoạt động NCKH. Do vậy, tình trạng một số GV thực hiện NCKH chỉ nhằm mục đích hoàn tất thủ tục để nhận thừa giờ. Điều đó gây ảnh hưởng khá nhiều đến chất lượng, hiệu quả của NCKH như CB ở các phòng, ban thường không thực hiện NCKH, vì họ không đứng lớp, không có nhiệm vụ thực hiện NCKH. Đó chính là một trong những lí do khiến cho nhiều CB có thời gian rảnh rỗi nhưng lại không NCKH. Vì vậy, muốn huy động được nguồn nhân lực lớn của trường thực hiện NCKH thì phải có cơ chế, chính sách phù hợp để khuyến khích hoạt động này. Chẳng hạn, phải có chính sách khen thưởng kịp thời đối với những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong NCKH. Đưa hoạt động NCKH vào nội dung khen thưởng hàng năm. Có chính sách khuyến khích người làm công tác ở các phòng, ban làm NCKH, sáng kiến kinh nghiệm. Tổ chức các cuộc thi, hội nghị trao đổi kết quả NCKH. Tạo điều kiện cho CB, GV tham gia tập huấn, hội thảo ngoài trường để trao đổi, học hỏi, nâng cao năng lực tự học tự nghiên cứu. Có cơ chế phân giao đề tài, tạo cơ hội cho CB, GV dần làm quen với NCKH. Xem xét việc tăng kinh phí cho đề tài, tăng nhuận bút cho bài báo khoa học. Đồng

thời xem xét việc xử lý những trường hợp không hoàn thành nhiệm vụ NCKH.

5) Tăng cường hiệu quả của công tác liên kết trong nghiên cứu và chuyển giao KH-CN. Hiện nay nhà trường đã kí kết với một số đơn vị, địa phương trong tỉnh để thực hiện việc nghiên cứu, chuyển giao KH-CN. Tuy nhiên, nhìn chung tính hiệu quả của công tác này chưa cao. Việc liên kết còn dừng lại ở tính thử nghiệm. Các đơn vị hợp tác với nhà trường chưa tạo điều kiện về mặt kinh phí cho hoạt động KH-CN. Lượng đề tài thực hiện tại các đơn vị này còn rất ít. Một số kết quả nghiên cứu của CB, GV trong nhà trường chưa có tính ứng dụng cao, các địa phương chưa thụ hưởng nhiều kết quả nghiên cứu. Do vậy, nhà trường cần chủ động hơn trong việc tranh thủ sự hỗ trợ từ các đơn vị, các địa phương đã kí kết. Tạo điều kiện cho CB, GV thực hiện nhiều đề tài có tính cấp thiết, sát thực tiễn địa phương, ứng dụng trực tiếp kết quả nghiên cứu vào việc phát triển KT-XH.

3. Sau hơn 6 năm thành lập, hoạt động KH-CN của nhà trường nhìn chung khá trầm lắng. Trong khi NCKH là một nhiệm vụ vô cùng quan trọng, tác động trực tiếp tới hiệu quả của công tác GD-ĐT của nhà trường. Do vậy, trong thời gian tới nhà trường cần quyết tâm thực hiện những cơ chế, chính sách phù hợp, đưa hoạt động KH-CN đi vào chiều sâu, trở thành ý thức tự giác, thói quen, niềm say mê NCKH của CB, GV trong toàn trường. Tiến tới hình thành và phát triển đội ngũ chuyên gia, nâng cao số lượng và chất lượng NCKH trong nhà trường ở tất cả các lĩnh vực. □

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Hữu Châu. **Chất lượng giáo dục, những vấn đề lý luận và thực tiễn.** NXB Giáo dục, H. 2008.
2. Vũ Cao Đàm. **Đánh giá nghiên cứu khoa học.** NXB Khoa học và kỹ thuật, H. 2004.
3. Phạm Minh Hạc. **Nghiên cứu con người và nguồn nhân lực đi vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa.** NXB Chính trị quốc gia, H. 2004.
4. Trường Đại học Bạc Liêu. **Chiến lược phát triển Trường Đại học Bạc Liêu giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020,** Bạc Liêu. 2012.

SUMMARY

Posts depth analysis of the current status of scientific research issues of faculty staff of the University of Bac Lieu over the years. Since then propose solutions to improve the efficiency of scientific research for faculty members of the university in the field.

Hoàn thiện hệ thống đảm bảo...

(Tiếp theo trang 8)

mới việc kiểm tra, đánh giá, công tác ĐBCL cũng sẽ được cải tiến.

Việc hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng, quy trình hóa những công việc chưa có hướng tới xây dựng hệ thống quản lý chất lượng trở thành nhiệm vụ cấp bách, giải pháp có tính đột phá. Bởi không thể có chương trình ĐT có chất lượng cao khi mà hệ thống, quy trình quản lý chất lượng không được đảm bảo. Mặt khác, khi đã có một quy trình quản lý chất lượng, rất cần thiết phải từng bước hoàn thiện, phát triển hệ thống các quy trình này để hướng tới xây dựng, kiểm soát chương trình bằng chính các quy trình quản lý chất lượng tiên tiến, phù hợp với sự phát triển của các nước tiên tiến trên thế giới. Có như vậy, chương trình ĐT CNBK mới có thể tiến tới đạt chất lượng tốt, đáp ứng nhu cầu đòi hỏi nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội, được các nước trên thế giới công nhận. Vì vậy, hoàn thiện các giai đoạn của quy trình ĐBCL, chắc chắn các chương trình CNBK tại ĐHQGHN sẽ quản lý được tổng thể chất lượng ĐT, qua đó sẽ thực hiện được sứ mệnh và mục tiêu của mình. □

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Quốc Chí - Nguyễn Thị Mỹ Lộc. *Chuyên đề lý luận đại cương về quản lý.* Tài liệu cho lớp cao học quản lý giáo dục Hà Nội khóa 4, 2004.
2. Nguyễn Đức Chính. *Chương trình đào tạo và đánh giá chương trình đào tạo.* Tài liệu cho lớp cao học quản lý giáo dục Hà Nội, 2004.
3. Nguyễn Thị Mỹ Lộc. *Quản lý nguồn nhân lực.* Tài liệu cho lớp cao học quản lý giáo dục Hà Nội, 2001.
4. Thomas J. Robbins- Wayned Morrison. *Quản lý và kỹ thuật quản lý.* NXB Giao thông vận tải, H. 1999.

SUMMARY

Apart from standard Bachelor programs, Double Degree is a special training program with regional and international standards for students who want to have two degrees at Hanoi National University. The enhancement of the quality assurance system, procession of work towards the establishment of the quality assurance system have become an urgent requirement and breakthrough solution. As a result, the overall training quality of double degree programs at Hanoi National University will be managed thanks to the enhancement of different steps in the quality assurance process, fulfilling its missions and goals.